

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG NÔ  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21-9-2020

*V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
chung khi ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Cảnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Quang Châu

Ông Hồ Quang Hiền

***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Trương Đình Hội là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:***  
Ông Nông Quốc Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 75/2020/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Xuân H – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông - Có mặt

*Bị đơn:* Chị Lê Thị H1 – Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 11/5/2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Xuân H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân H và chị Lê Thị H1 kết hôn năm 2004 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K. Sau khi kết hôn anh H và chị H1 chung sống không hạnh phúc, thường xuyên nẩy

sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống. Đến năm 2017 chị H1 bỏ nhà đi biệt tích, anh H đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng đến nay không vẫn không biết tin tức chị H1 ở đâu. Anh H đã có đơn yêu cầu Tòa án tuyên án tuyên bố chị H1 mất tích và tại quyết định số 06/2019/QĐST-VDS ngày 05/11/2019, Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã tuyên bố chị Lê Thị H1 mất tích. Nay anh H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị H1.

- Về con chung: Anh H và chị H1 có 02 con chung là Nguyễn Thế Q, sinh ngày 02/5/2005 và Nguyễn Thị Thanh K, sinh ngày 23/3/2008. Anh H có nguyện vọng muốn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Người tham gia tố tụng:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị H1 đã trở nên trầm trọng, chị H1 đã bỏ nhà đi và đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Căn cứ khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, cho anh H được ly hôn chị H1. Về con chung: cần giao các con chung Nguyễn Thế Q, sinh ngày 02/5/2005 và Nguyễn Thị Thanh K, sinh ngày 23/3/2008 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Do anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết: Anh H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Lê Thị H1 và có yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ tranh chấp được xác định là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”; Bị đơn

chị Lê Thị H1 có nơi cư trú tại thôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Tại phiên tòa bị đơn là chị Lê Thị H1 vắng mặt, tuy nhiên chị H1 đã bị tuyên bố mất tích, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị H1 theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân H và chị Lê Thị H1 kết hôn năm 2004 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 107, ngày 30/3/2004. Như vậy, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa anh H và chị H1 là hợp pháp. Sau khi kết hôn giữa anh H và chị H1 nảy sinh nhiều mâu thuẫn, chị H1 đã bỏ nhà đi từ năm 2017 và đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Vì vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Xuân H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

*Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:*

*1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.*

*2. Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn.*

2.2. Về con chung: Xét nguyện vọng của anh H muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung Nguyễn Thế Q, sinh ngày 02/5/2005 và Nguyễn Thị Thanh K, sinh ngày 23/3/2008 cho đến khi đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy chị H1 đã bỏ nhà đi không rõ tin tức và đã bị tuyên bố mất tích, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án các con chung đều có nguyện vọng muốn được ở với anh H nên việc giao 02 con chung cho anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc anh Nguyễn Xuân H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Xuân H.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân H được ly hôn chị Lê Thị H1.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Thế Q, sinh ngày 02/5/2005 và Nguyễn Thị Thanh K, sinh ngày 23/3/2008 cho anh Nguyễn Xuân H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

2.1. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

2.2. Sau khi ly hôn anh Nguyễn Xuân H và chị Lê Thị H1 có các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Do anh H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

**4. Về án phí:** Anh Nguyễn Xuân H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số 0002980, ngày 14/5/2020.

**5. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Phạm Văn Cảnh**